

NĂM MƯƠI NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM



Hoạt động các hợp tác xã tín dụng đã có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế quốc dân, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đặc biệt là khu vực nông nghiệp - nông thôn

Ảnh: NH

Ngày 27/4/1956, Ban Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam ban hành Chỉ thị số 15/CT-TU về việc xây dựng phong trào hợp tác xã tín dụng ở nông thôn (HTXTD). Đến nay, năm 2006, vừa tròn nửa thế kỷ (50 năm).

Nhìn lại chặng đường lịch sử nửa thế kỷ xây dựng và phát triển HTXTD ở nước ta, ngành Ngân hàng tự hào về sự đóng góp của mình đối với sự trưởng thành của sự nghiệp này. Hoạt động các HTXTD chiếm một tỉ lệ không nhỏ trên thị trường dịch vụ ngân hàng tín dụng và đã có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc dân, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đặc biệt là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Dưới đây chúng tôi xin nêu một số nét cơ bản về quá trình xây dựng, phát triển phong trào HTXTD, nay gọi là Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) rút ra một số bài học kinh nghiệm và kiến nghị một số giải pháp để tiếp tục phát triển phong trào.

1. Thời kỳ đầu thành lập đến năm 1965

Chiến lược tạo vốn và nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội ở nông thôn đòi hỏi phải có nhiều giải pháp. Trước hết, thực hiện giải pháp lấy vốn của nông dân để cho nông dân vay. Triển khai thực hiện chủ trương của Đảng cộng sản Việt Nam (Chỉ thị 15/CT-TU ngày 27/4/1956) về xây dựng phong trào HTXTD ở nông

Nguyễn Xuân Sơn *

thôn; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ ban hành qui tắc tổ chức HTXTD nông thôn.

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) là cơ quan tham mưu giúp việc Đảng và Chính phủ, vận động hướng dẫn, chỉ đạo thành lập HTXTD, có nơi gọi là QTD và tổ chức xây dựng phát triển phong trào này ở nông thôn.

Việc thành lập HTXTD ở nông thôn có bước đi rất thận trọng, việc đầu tiên phải tổ chức thí điểm ở 2 xã: Phú Kiên (Phú Thọ) Hoàng Phúc (Thanh Hóa), sau đó rút kinh nghiệm mở rộng dần đối với các tỉnh đồng bằng.

Đối với khu vực kinh tế miền núi phía Bắc do đặc điểm về kinh tế, xã hội riêng, không thành lập HTXTD mà chỉ tổ chức QTD theo mô hình nông thôn: làng, bản có chức năng nhiệm vụ giống như HTXTD tại các tỉnh đồng bằng. Năm 1958, xây dựng thí điểm ở 2 xã thuộc tỉnh Lạng Sơn và Bắc Cạn. Sau thí điểm thành công, ngày 15/12/1959, được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, NHNN ban hành Quyết định 181/VP-NH về qui tắc tổ chức quỹ tín dụng miền núi.

Trong thời gian cải tạo và phát triển kinh tế văn hóa (1954 - 1960), hòa nhập với phong trào hợp tác

* Hà Nội

hóa nông nghiệp, chúng ta đã xây dựng HTXTD, QTD đến cuối năm 1960 ở nông thôn được 5249 cơ sở và có 2082 ngàn xã viên chiếm 71% hộ nông dân ở đồng bằng trung du và 61% số hộ miền núi có tổ chức tín dụng hợp tác xã. Kết quả hoạt động: huy động vốn đến cuối năm 1960 có số dư tiền gửi là 134 triệu VND (tiền gửi ngân hàng mới) số tiền này đã đem cho hàng trăm ngàn hộ nông dân vay.

Việc xây dựng phát triển mạng lưới HTXTD, QTD đã hình thành quan hệ vay mượn mới trải rộng khắp nông thôn. Đó là công cụ "hữu hiệu" để đấu tranh với nạn cho vay nặng lãi, đồng thời hỗ trợ cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp phát triển. Mạng lưới HTXTD, QTD được xem như "cánh tay đắc lực" của ngành Ngân hàng trong khu vực kinh tế nông nghiệp ở nông thôn.

Sau năm 1961, hoàn thành công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất mới, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được thiết lập, chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế ở miền Bắc, cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung được thiết lập. Do vậy, lúc này hoạt động tiền tệ được quản lý tập trung, thống nhất vào NHNN. Các HTXTD, QTD thời kỳ này chỉ dùng vốn tự có để cho vay làm kinh tế phụ gia đình của các hộ xã viên hoặc làm đại lý tiết kiệm cho ngân hàng.

Việc cho vay kinh tế tập thể đều do ngân hàng trực tiếp cho vay để tập trung đáp ứng vốn vào những nhu cầu mấu chốt, trọng điểm theo kế hoạch đầu tư của Nhà nước.

Nhìn chung hoạt động HTXTD, QTD trong những năm này không đồng đều, có nơi hoạt động cầm

chứng, kết quả hoạt động thấp, chất lượng hoạt động chưa cao, hoạt động của những tổ chức này lu mờ trên thị trường tài chính, tín dụng ở nông thôn.

2. Củng cố HTXTD, QTD theo Chỉ thị 131/CT-TU của Ban Bí thư Trung ương Đảng

Ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại leo thang ra miền Bắc. Đảng và Nhà nước chủ trương chuyển hướng hoạt động nền kinh tế theo yêu cầu của thời chiến, vừa sản xuất, vừa chiến đấu để tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc làm hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam. Việc chuyển hướng kinh tế, phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển toàn diện, đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng trong nông thôn, thực hiện hậu cần tài chính, nhằm cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến đảm bảo đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó, nhu cầu vốn trong nông thôn tăng nhanh, nhiều đòi hỏi phải được giải quyết đầy đủ kịp thời trên một trình diện rộng lớn với nhiều đối tượng khác nhau. Công tác tín dụng tiền tệ ở nông thôn lúc này giữ vị trí vô cùng quan trọng trong hoạt động của ngân hàng. Để góp phần thực hiện tốt sứ mệnh lịch sử của ngành Ngân hàng, trước hết phải củng cố và phát huy vai trò HTXTD, QTD là công việc làm ngay. Ngày 28/5/1966, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị 131/CT-TU về: "củng cố HTXTD để tăng cường công tác tín dụng và quản lý tiền tệ ở nông thôn", xác định phương hướng

nhệm vụ của HTXTD là "ra sức động viên vốn trong nông thôn để tích cực mở rộng việc cho vay phục vụ sản xuất, lưu thông và đời sống trong xã, chủ yếu là cho vay phục vụ sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, giúp ngân hàng quản lý tiền tệ trong nông thôn...".

Các HTXTD được quyền huy động tiền gửi tiết kiệm (trước đây là làm đại lý) để làm nguồn vốn cho vay đối với kinh tế tập thể và gia đình, gắn công tác huy động với công tác cho vay và thực hiện chế độ hạch toán kinh tế. NHNN đã hướng dẫn chỉ đạo và tạo điều kiện cho các HTXTD mở rộng các mặt hoạt động. Trong thời gian này, NHNN đã tiến hành củng cố HTXTD để đảm đương cho vay ngắn hạn các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán quản lý tiền mặt ở nông thôn, huy động và quản lý vốn để cho vay. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, các HTXTD bộc lộ nhiều khuyết điểm: Do bất cập năng lực trình độ cán bộ cộng với ý thức, trách nhiệm kém, nhiều cán bộ HTXTD không thực hành nghiêm chỉnh nguyên tắc chế độ quản lý tín dụng, tiền tệ của nhà nước nên có nhiều trường hợp vi phạm nguyên tắc tín dụng, cho vay không thu hồi được nợ. Những trường hợp không thu hồi được nợ là do cấp ủy, chính quyền địa phương ép cho vay, do cảm tình, nể nang bà con họ hàng... Một số HTXTD cho vay vượt nguồn vốn của bản thân buộc NHNN phải tiếp vốn.

Hậu quả của cơ chế này là nợ khê đọng, không thu hồi được vốn,

không có tiền vốn trả tiền gửi, mất khả năng chi trả, buộc NHNN phải hỗ trợ tài chính cho HTXTD.

Việc cho vay của HTXTD thuộc khu vực kinh tế nông thôn trong thời gian này có thể nói "tiền tin dụng là tiền Chính phủ cho bản làng vay đủ". Hoạt động của HTXTD lúc bấy giờ đã gây hậu quả xấu cho quản lý tiền tệ và tín dụng của NHNN. Để sớm khắc phục những yếu kém về hoạt động của các HTXTD, Hội đồng Chính phủ nay là Thủ tướng Chính phủ có Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 15/12/1972 về "Tăng cường quản lý tín dụng tiền tệ ở nông thôn và chấn chỉnh các HTXTD". Tinh thần nội dung của Nghị quyết nhằm "Đề cao trách nhiệm của NHNN trong việc quản lý tập trung thống nhất tín dụng tiền tệ ở nông thôn và định rõ các loại nhiệm vụ của HTXTD trong mối quan hệ với NHNN". Nghị quyết này xác định vai trò HTXTD: "NHNN phải sử dụng tốt HTXTD là tổ chức kinh tế tập thể làm cánh tay đắc lực của mình và thông qua đó mà quản lý tập trung thống nhất các hoạt động tín dụng tiền tệ ở nông thôn. Nhằm thúc đẩy quá trình tập trung vốn nhanh hơn nữa và phân phối vốn một cách có kế hoạch, vừa phù hợp với phương hướng và yêu cầu của nền nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn, trên những vùng rộng lớn, vừa sát với trình độ sản xuất và yêu cầu của từng vùng, từng HTX".

NHNN chỉ đạo thực hiện Nghị quyết về chấn chỉnh và củng cố HTXTD gặp phải khó khăn lớn nhất là hoạt động của HTXTD từ chỗ rộng mở tự tung, tự tác lúc này phải thu hẹp cho phép hoạt động một số nghiệp vụ; chủ yếu là sử dụng vốn

tự có để cho vay làm kinh tế phụ gia đình và làm đại lý huy động tiền gửi tiết kiệm như những năm đầu thập kỷ 60.

Tuy vậy, trong thời gian này, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản về việc vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm trong tình hình mới Chỉ thị 109/CT-TU và Chỉ thị 64/CT-TU của Ban Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam) là thuận lợi cho HTXTD, QTD thực hiện nhiệm vụ huy động tiền gửi tiết kiệm theo sự ủy nhiệm của ngân hàng. Công tác huy động tiền gửi tiết kiệm được gắn liền với đời sống và sản xuất ở nông thôn nhằm tăng tiềm lực kinh tế quốc phòng trong cả nước nói chung và khu vực kinh tế nông thôn nói riêng được HTXTD khai thác tiềm năng vốn. Trong thời gian này, số dư tiền gửi tiết kiệm tăng gần 5 lần so với năm 1964, riêng tiền gửi tiết kiệm dài hạn chiếm 20% tổng số dư tiền gửi tiết kiệm, phần lớn nhân dân thuộc vùng nông thôn gửi vào ngân hàng qua đại lý tiết kiệm là HTXTD.

3. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Miền Nam thành lập các tổ chức tín dụng HTX, miền Bắc củng cố các HTXTD; quản lý mô hình này theo cơ chế tập trung thống nhất. Đây là giai đoạn cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Hoạt động tiền tệ tín dụng ngân hàng được tăng cường mở rộng và thống nhất quản lý trong cả nước, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, Ngân hàng Quốc gia ở miền Nam được hợp nhất vào NHNN Việt Nam thống nhất cả nước.

Các tỉnh phía Nam chưa có kinh nghiệm về xây dựng phong trào HTXTD, một phần do cán bộ ngân hàng mới chưa nhận thức được vai trò đầy đủ về vị trí, vai trò của tổ chức tín dụng hợp tác xã nên những năm đầu sau ngày giải phóng, các ngân hàng cho các hộ nông dân vay trực tiếp. Để đáp ứng nhu cầu vốn cho nông dân các ngân hàng mở rộng mạng lưới đến một số vùng nông thôn, thị trấn.

Với ý đồ là thay thế HTXTD, song thực tiễn hoạt động đã chỉ ra vốn cho vay không thu hồi được nợ, thiếu vật tư đảm bảo gia tăng và kéo dài, ngân hàng không có khả năng và điều kiện quán xuyên con nợ của mình rải rác khắp miền quê. Cuối những năm thập kỷ 70 và đầu những năm thập kỷ 80, NHNN Trung ương phải tổ chức nhiều đoàn cán bộ chủ chốt ở các ngân hàng huyện thuộc các tỉnh phía Bắc biệt phái làm việc tại các tỉnh phía Nam nhằm gỡ rối đối với việc cho vay phục vụ sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam, phần lớn tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long.

Trong bối cảnh này, ngày 23/4/1982, Tổng giám đốc NHNN nay là Thống đốc đã ban hành Thông tư 25/TT-NHNN hướng dẫn thành lập HTXTD, QTD ở các tỉnh phía Nam, theo đó, năm 1983, NHNN đã ban hành Điều lệ, tổ chức và hoạt động của HTXTD ở nông thôn thống nhất áp dụng trong toàn quốc. Đối với các HTXTD các tỉnh phía Bắc đang hoạt động phải điều chỉnh theo điều lệ này.

Thời kỳ này, nhiều cơ sở hoạt động có quy mô lớn, có đơn vị số vốn huy động cao nhất là 80 tỷ

VND (phường 2, thị xã Cà Mau). Số vốn huy động đem cho vay phục vụ sản xuất, kinh doanh chủ yếu là các hộ nông dân và doanh nghiệp tư nhân sản xuất kinh doanh.

Cuối những năm thập kỷ 80, ngành Ngân hàng chuyển sang hạch toán kinh doanh (theo Nghị định số 53/HĐBT, ngày 26/3/1988). Nhiều tổ chức tín dụng hợp tác ồ ạt ra đời. HTXTD ở nông thôn, trung tâm tín dụng, quỹ tín dụng ở đô thị. Trong thời kỳ này, NHNN lại ủy nhiệm cho Ngân hàng Nông nghiệp, nay là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với HTXTD và các tổ chức tín dụng hợp tác khác. Vừa không đúng chức năng, vừa không đủ năng lực quán xuyên. Cũng vào thời kỳ này, thực hiện cơ chế mới về quản lý kinh tế, xóa bỏ bao cấp và chuyển sang hạch toán kinh tế, NHNN chủ trương chuyển hẳn HTXTD, QTD sang hạch toán kinh doanh. Ngày 26/5/1986, Tổng giám đốc NHNN, nay là Thống đốc đã ban hành Chỉ thị 83/NH-CT với tinh thần của Chỉ thị xác định rõ: HTXTD là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, đầy mạnh huy động vốn và cho vay; tự đảm bảo mọi chi phí và kinh doanh có lãi; tự chịu trách nhiệm về tài sản và hoạt động của mình với tư cách pháp nhân của một tổ chức kinh tế tập thể. Nhiệm vụ chủ yếu của HTXTD là phục vụ sản xuất, lưu thông và đời sống nhân dân địa phương, gắn hoạt động HTXTD với hoạt động của các HTX, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, HTX mua bán và các tổ chức kinh tế tập thể khác.

Chủ trương nói trên mở ra cục

diện mới cho phong trào HTXTD, HTXTD được quyền mở rộng nghiệp vụ, hoạt động trên cơ sở một thị trường hàng hóa phát triển, thị trường tiền tệ, thị trường vốn thường xuyên căng thẳng và là một nơi đòi hỏi cấp bách.

Thời kỳ này, tình hình lạm phát trầm trọng, lượng tiền mặt lưu thông cuối năm 1985 gấp 20 lần cuối năm 1980¹ giá cả leo thang, kích thích tranh mua, tranh bán đẩy giá tăng, càng tăng nhanh đồng tiền mất giá. Khả năng đáp ứng tiền mặt của ngân hàng rất hạn chế trong khi nhu cầu vốn rất khẩn trương, tiền mặt lưu thông trên thị trường ngày càng nhiều, nhưng nhà nước chưa có biện pháp hữu hiệu để huy động quản lý vốn phục vụ cho sản xuất lưu thông và dịch vụ. Không ít đơn vị kinh tế quốc doanh, đơn vị kinh tế tập thể tư nhân, cả thể bung ra tham gia thị trường tự do nhưng không có vốn, tiền mặt hoạt động. Vốn cho vay của ngân hàng quốc doanh rất hạn chế không đáp ứng được vốn đối với các tổ chức sản xuất kinh doanh nhất là bằng vốn tín dụng. Nhận biết được nhu cầu của thị trường, những người có vốn tự động nhóm họp lại góp vốn xin phép chính quyền lập ra các trung tâm tín dụng, quỹ tín dụng... tại một số thành phố, thị xã, khu vực phía Nam và lan tỏa ra các tỉnh phía Bắc, Hà Nội, Hải Phòng...

Để đáp ứng nhu cầu này, NHNN đã ban hành Quyết định 07/QĐ-NHNN ngày 19/10/1988 "Quy định tạm thời về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đô thị" của Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước, nay là Thống đốc.

Sau khi có quyết định này, hàng

loạt các tổ chức tín dụng hợp tác với nhiều tên gọi khác nhau như: QTD/ND, ngân hàng cổ phần, ngân hàng nông thôn, trung tâm tín dụng, quỹ tín dụng theo ngành nghề, thậm chí một số đơn vị kinh tế cũng thành lập trung tâm tín dụng. Đến đầu năm 1990 đã phát triển trên 500 tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh ở đô thị.

Như vậy là số lượng HTXTD trong cả nước có 7660 cơ sở, tại các địa phương phía Nam chiếm gần 2300 cơ sở, còn lại là các địa phương phía Bắc.

Sự hình thành hàng loạt các tổ chức tín dụng ngoài hệ thống ngân hàng thương mại đã có tác dụng thu hút được một khối lượng tiền mặt khá hơn, có thời điểm lên tới hàng ngàn tỷ VND (đầu năm 1990) góp phần giảm áp lực đối với thị trường hàng hóa. Tiền mặt được thu hút vào HTXTD ngày một nhiều, đáp ứng nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế.

Hoạt động QTD đô thị tuy còn những mặt hạn chế cần phải cải tạo, uốn nắn nhưng nó cũng đã chỉ ra một hướng mới cho định hướng phát triển các QTD trong thời gian tới. Hoạt động của tổ chức này phù hợp và đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần. QTD cũng là một thành phần ngoài quốc doanh trong lĩnh vực kinh doanh tín dụng và tiền tệ, hoạt động song hành bên cạnh hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, các QTD ở đô thị đã bộc lộ rất nhiều khuyết điểm như huy động vốn và cho vay chạy theo lợi nhuận, nâng lãi suất huy động để cạnh tranh không lành mạnh, huy động vốn để buôn bán bất động

sản... đã gây không ít khó khăn cho công tác quản lý tín dụng của ngân hàng, dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng: Một số người làm việc tại các tổ chức tín dụng ngoài quốc doanh lợi dụng tham ô, vi phạm pháp luật đều bị xử tù, nhân dân gửi tiền vào tổ chức này không rút được, nảy sinh mâu thuẫn trong gia đình, nhiều người không rút được tiền gửi, dẫn đến tan cửa nát nhà "tiền mất tật mang".

Cuối những năm thập kỷ 80, đầu những năm thập kỷ 90, thị trường hàng hoá, thị trường tiền tệ, thị trường vốn hoạt động sôi động, ngày càng phát triển. Các HTXTD, QTD mở rộng kinh doanh, năng lực quản trị, điều hành hoạt động kém đã bộc lộ ngay một số bất cập: nhiều HTXTD, QTD nhất là các cơ sở ở đô thị không chấp hành đúng quy chế, quy tắc nghiệp vụ, cho vay rơi vào rủi ro nhiều. Mặt khác, trong quá trình chuyển đổi cơ chế, tiếp cận với cơ chế thị trường, người cho vay cũng như người đi vay không nắm bắt nhanh, hòa nhập vòng xoáy thị trường, làm ăn thua lỗ, phần lớn HTXTD ở nông thôn ngừng hoạt động, trên 500 QTD ở đô thị hoạt động khó khăn, một số cơ sở mất khả năng thanh toán, phá sản.

Từ thực trạng nóng bỏng về hoạt động của các HTXTD, QTD, cần thiết phải có vai trò quản lý chặt chẽ của NHNN, lúc bấy giờ Tổng giám đốc NHNN là Thống đốc Cao Sỹ Kiêm ký quyết định thành lập "phòng tiết kiệm quản lý cho vay dân cư" do đồng chí cấp vụ phụ trách. Phòng này có nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo NHNN nắm bắt tình hình diễn biến về hoạt động HTXTD, QTD để có giải

pháp xử lý chấn chỉnh hoạt động của tổ chức này.

Trong thời gian này, những người gửi tiền vào QTD, HTXTD ở thành thị cũng như ở nông thôn kéo nhau đến rút tiền, có người rút được, có người không rút được gây hoang mang trong nhân dân, cá biệt có khách hàng hành hung nhân viên làm việc tại QTD, phần lớn những người gửi tiền vào QTD rất bất bình với cung cách làm ăn của HTXTD, QTD.

Trước thực trạng đó, NHNN đã chủ động: Một mặt, trình Chính phủ biện pháp xử lý, kể cả cho phép NHNN sử dụng nguồn vốn tín dụng "quỹ dự trữ" cho các QTD, HTXTD vay để trả tiền gửi cho dân. Mặt khác, ngân hàng đã có sáng kiến vận động các QTD đô thị liên kết lại, góp thêm vốn để lập ra ngân hàng, theo Pháp lệnh "Ngân hàng HTXTD và công ty tài chính".

Ngày 01/9/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 313/CT-HĐBT. Nội dung Chỉ thị giao cho Tổng giám đốc NHNN nay là Thống đốc phối hợp với các ngành hữu quan đề ra các giải pháp xử lý khó khăn trong hoạt động của các HTXTD, QTD theo nguyên tắc thu hồi nợ để trả tiền gửi; trước mắt khi chưa thu hồi nợ được phép sử dụng "Quỹ dự trữ" để cho vay các HTXTD, QTD có nguồn vốn trả tiền gửi cho dân. Yêu cầu đối với việc xử lý khó khăn trong hoạt động của QTD, kể cả phải thanh lý, giải thể QTD phải đảm bảo an ninh xã hội và quyền lợi của người gửi tiền.

Thực hiện chủ trương trên, NHNN đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo hướng dẫn các địa phương

triển khai thực hiện Thông tư 83/TT-NHNN, ngày 10/10/1990, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 313 và Công văn số 39/CV-NHNN ngày 14/11/1990 hướng dẫn giải quyết những vướng mắc trong khi xử lý những vấn đề cụ thể về thu hồi và nợ và chi trả tiền gửi. NHNN đã chủ động tiếp cận với Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trọng tài kinh tế nhà nước thống nhất ký ban hành Thông tư số 10/ TT-LN, ngày 25/10/1990 về việc hướng dẫn giải quyết một số vấn đề cấp bách về tín dụng.

Tại các địa phương có các HTXTD, QTD hoạt động khó khăn đã tiến hành phân loại để xử lý:

- HTXTD, QTD có thể khôi phục hoạt động, được chi nhánh NHNN cho vay trả tiền gửi cho dân và tiếp tục hoạt động, chủ yếu tập trung nợ.

- HTXTD, QTD đang hoạt động cầm chừng, những thành viên của cơ sở có vốn góp thêm vào QTD, nhiều QTD liên kết lại với nhau để thành lập ngân hàng cổ phần và đã lập ra được 10 ngân hàng cổ phần từ gần 100 QTD liên kết lại và được NHNN cấp giấy phép hoạt động ngân hàng theo Pháp lệnh Ngân hàng, HTXTD và công ty tài chính.

- HTXTD, QTD mất khả năng thanh toán, NHNN cùng các ngành liên quan lập ra Ban thanh lý và giao cho cơ sở phải thanh lý lập hồ sơ xin vay NHNN để trả tiền gửi cho dân và sau đó những người làm việc tại cơ sở này tiếp tục thu nợ để trả nợ NHNN.

Trong khoảng gần 1 năm, các chi nhánh NHNN địa phương đã cho vay gần 200 tỷ VND để trả tiền gửi tiết kiệm cho nhân dân. Tuy vậy, vẫn có một số khách hàng

không rút được tiền gửi, nhiều nhất là tại thành phố Hà Nội.

Sự biến động trong hoạt động của HTXTD, QTD ở một số tỉnh thành phố đã đánh mất lòng tin trong nhân dân đối với tổ chức tín dụng hợp tác xã.

4. Điều chỉnh HTXTD, QTD theo hai Pháp lệnh Ngân hàng

Pháp lệnh NHNN Việt Nam, Pháp lệnh Ngân hàng, HTXTD và công ty tài chính có hiệu lực thi hành từ 01/10/1990. Vào thời điểm này, các HTXTD, QTD phần lớn hoạt động kém hiệu quả, không an toàn. Phương thức hoạt động chậm được cải tiến cho thích ứng với môi trường kinh tế hàng hoá phát triển. Các HTXTD, QTD thành lập và hoạt động thoát ly sự quản lý của nhà nước, môi trường quản lý thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ, các công cụ giám sát, kiểm soát chưa đủ mạnh để điều chỉnh và chưa đảm bảo an toàn cho hoạt động của HTXTD, QTD, nhất là việc cho vay không thu hồi được nợ, cơ chế luật lệ rất bất lực với trường hợp này. Do vậy, kể từ ngày ban hành Pháp lệnh Ngân hàng, HTXTD và công ty tài chính đến tháng 6/1993 (trên 2 năm), NHNN mới cấp giấy phép hoạt động cho 62 HTXTD, nhưng hoạt động rất hạn chế, kém hiệu quả.

Thực trạng hoạt động mô hình tín dụng hợp tác xã Việt Nam từ những ngày thành lập đến những năm cuối thập kỷ 80 đã chỉ ra cơ chế cũng như chỉ đạo điều hành về hoạt động tín dụng, dịch vụ ngân hàng đối với thành phần kinh tế ngoài quốc doanh chưa bám sát diễn biến phong trào cũng như diễn biến môi trường hoạt động của

từng thời kỳ để có giải pháp xử lý kịp thời, đúng mức.

Nhìn lại quá trình xây dựng, phát triển, củng cố, chấn chỉnh phong trào HTXTD bộc lộ nhiều nhược điểm, khuyết điểm, phong trào có lúc lên, lúc xuống, từng nơi, từng lúc. Hoạt động của các HTXTD ở nông thôn nhìn chung còn yếu và không đều. Trên thực tế có những vùng kinh tế tập trung, các cơ sở ven đô, ven lộ giao thông và những vùng kinh tế hàng hoá tương đối phát triển và có điều kiện tồn tại và phát triển. Còn những vùng xa xôi hẻo lánh, sản xuất còn mang tính tự cung, tự cấp, nhu cầu vốn không lớn thì HTXTD hoạt động rất yếu hoặc có tên gọi chứ không có nội dung kinh tế. Sau mỗi đợt củng cố chấn chỉnh, phong trào có nhen nhóm lên một chút song lại tắt ngấm. Thêm nữa, trong một số vùng kinh tế, hàng hoá đã phát triển thuộc các tỉnh, thành phố phía Nam, phong trào HTXTD mới được xây dựng đầu những năm thập kỷ 80, nhưng cũng chỉ tồn tại được mấy năm, đến nay phong trào hầu như đã tan rã. Vậy là, ngoại trừ số HTXTD, QTD liên kết lại với nhau để thành lập ngân hàng cổ phần, số còn lại phần lớn là không hoạt động "có danh mà không có thực".

Sở dĩ, phong trào HTXTD có những mặt yếu kém nói trên, trước hết là phải kể đến con người, hàng vạn người làm việc tại các HTXTD không qua đào tạo để làm việc về dịch vụ ngân hàng tín dụng. Họ chỉ là kiêm nhiệm thêm công việc, công việc chính vẫn là sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Đối với các QTD ở đô thị, cán bộ nhân viên làm việc phần lớn là cán bộ về hưu thuộc các ngành tài chính, ngân

hàng và những nhà doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề khác, có kiến thức về kinh tế thị trường nhưng chưa nắm vững nguyên tắc, chế độ nghiệp vụ ngân hàng, thoát ly nguyên tắc nghề nghiệp, phong cách làm việc tự do, tùy tiện dẫn đến hiệu quả công tác không cao. Do vậy, cũng không thể có một tổ chức tín dụng thích ứng với cơ chế thị trường lúc bấy giờ. Mặt khác, về mặt nhận thức, để lập ra HTXTD theo nguyên tắc HTX chưa đầy đủ, chưa tuyên truyền giải thích rõ ràng cho những người gia nhập phải là tự nguyện, cùng có lợi, tự quản tổ chức của mình. Việc phát triển xã viên còn tràn lan, vốn góp chỉ là đóng lệ phí, vốn tự có rất không đáng kể, không có vốn để xây dựng trụ sở và phương tiện làm việc. Những yếu tố này gây cho khách hàng hoài nghi về hoạt động của HTXTD không đảm bảo an toàn, không xây dựng được lòng tin của nhân dân để trụ vững trên thương trường ngày một phát triển.

Về phương thức hoạt động của HTXTD vẫn theo cơ chế bao cấp, hoạt động chủ yếu dựa vào NHNN làm đại lý huy động tiết kiệm để hưởng hoa hồng.

Kết quả hoạt động của một số HTXTD thu nhập không đủ chi phí được NHNN hỗ trợ tài chính. Khi chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh, hoạt động của HTXTD không đủ điều kiện, năng lực để quản lý và điều hành một doanh nghiệp kinh tế hợp tác, lấy thu bù chi, tất yếu là phải ngừng hoạt động. ■

(1) PGS., TS. Phạm Ngọc Phong, "50 năm Ngân hàng Việt Nam", Tạp chí Ngân hàng, số đặc biệt năm 2001, tr 33.

(Còn nữa)